

Bản án số 213/2021/DS-PT

Ngày 24/11/2021

V/v “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường, ông Võ Ngọc Thông

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh –  
Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:** Ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 115/TB-TLVA ngày 19/3/2018 về “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*” đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 463/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn N, sinh năm 1923; địa chỉ Hoa Kỳ.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2015 của cụ Nguyễn N là anh Nguyễn Đình T [sinh năm 1977 là cháu nội cụ N, là con ông Nguyễn Đình T; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam], anh T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cụ N chết ngày 08/7/2017, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N (cũng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) gồm:

1.1. Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1958; địa chỉ: Hoa Kỳ.

1.2. Ông Nguyễn Đình B1 (Ricshard N), sinh năm 1953; địa chỉ: Hoa Kỳ.

1.3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; địa chỉ: Hoa Kỳ.

Ngày 11/6/2020 tại Hoa Kỳ, ông B, ông B1, bà S lập Giấy ủy quyền, ủy quyền cho anh Nguyễn Đình T tham gia tố tụng, Giấy ủy quyền được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực.

1.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; địa chỉ: Hoa Kỳ.

1.5. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1955; địa chỉ: Hoa Kỳ.

1.6. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1960; địa chỉ: Hoa Kỳ;

Ngày 21/9/2018 tại Hoa Kỳ, bà T, ông L và ông H lập Văn bản xác nhận, ủy quyền cho bà C tham gia tố tụng, Giấy được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực.

1.7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Australia.

Ngày 22/10/2018 tại Australia, bà H lập *Văn bản xác nhận*, ủy quyền cho bà C tham gia tố tụng, Văn bản được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney-Australia chứng thực.

1.8. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1956; địa chỉ: Hoa Kỳ, chết ngày 23/01/2020.

1.9. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Bi đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

*Người đại diện theo văn bản ủy quyền của bà C lập ngày 16/5/2018 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố Đà Nẵng là:* ông Bùi Tiên K; địa chỉ: Đà Nẵng, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kim C là* Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lương Anh T, sinh năm 1977, có mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1977 (vợ ông T), có mặt;  
Ông T, bà H cùng trú tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Vợ chồng cụ Nguyễn N và cụ Võ Thị X có 10 người con gồm: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; bà Nguyễn Thị T sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị S sinh năm 1952; ông Nguyễn Đình B1 sinh năm 1953; ông Nguyễn Đình L sinh năm 1955; ông Nguyễn Đình T sinh năm 1956; ông Nguyễn Đình B sinh năm 1958; ông Nguyễn Đình H sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị H sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim C sinh năm 1966. Quá trình chung sống, vợ chồng cụ N, cụ X tạo lập được nhà đất tại 90 L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là nhà đất tại 90 L). Năm 1984 cụ X chết không để lại di chúc. Trước khi xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ thì ngày 20/8/1990 cụ N viết *Đơn xin được ủy quyền quản lý nhà đất* tại 90 L cho 02 con gái Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim C để đi xuất cảnh theo diện bảo lãnh; đơn được UBND phường M xác nhận ngày 28/8/1990, Phòng Xây dựng thị xã H đề nghị UBND thị xã H và Sở Xây dựng cho phép ủy quyền nên tại *Giấy xác nhận ủy quyền sử dụng nhà số 373/GXN* Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xác nhận “*Cụ Nguyễn N và vợ là Võ Thị X (chết) được ủy quyền ngôi nhà số 90 L, phường M, thị xã H cho các con Nguyễn Thị T...Nguyễn Thị Kim C. Cấu trúc nhà 2 tầng, mái ngói, sàn gỗ, tường xây, nền ciment, diện tích 170m<sup>2</sup>. Bà T và bà C chỉ được quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà nêu trên, không được quyền mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, thuê mướn...vv dưới bất cứ hình thức nào và phải chấp hành đúng các thể lệ quy định hiện hành về quản lý nhà đất của nhà nước*” (bút lục 30).

- Năm 2003, cụ N về Việt Nam có ký *Giấy xác nhận* ngày 28/01/2003, nội dung hủy bỏ *Đơn xin được ủy quyền quản lý nhà đất* cụ lập năm 1990 cũng như

các Giấy xác nhận ủy quyền mà UBND thị xã, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lập trước đây “*Nay tôi quyết định xin làm lại giấy xác nhận cho riêng con gái tôi là Nguyễn Thị Kim C được trọn quyền sở hữu và sử dụng bất động sản nhà và đất tại 90 L, phường M, thành phố H*”, Giấy được Ủy ban nhân dân phường M xác nhận chữ ký của cụ N và chữ ký của bà C ngày 28/02/2003 (bl 157). Ngày 19/3/2003 bà Nguyễn Thị T lập *Giấy xác nhận cam kết*, nội dung nhà đất tại 90 L do cụ N, cụ X tạo lập, trước khi xuất cảnh cụ N đã ủy quyền cho bà T và bà C quản lý nhà đất, nhưng nay theo nguyện vọng của cụ N thì bà T “*xin khước từ và đồng ý để cho cha tôi được cho hẳn toàn bộ khuôn viên nhà đất 90 L cho em ruột tôi là Nguyễn Thị Kim C. Tôi cam kết sẽ không có sự tranh chấp và khiếu nại gì về sau đối với bất động sản nói trên*”, UBND phường Cẩm Phô, thị xã H chứng thực chữ ký của bà T ngày 19/3/2003 (bl 159).

- Ngày 24/3/2004 tại Hoa Kỳ cụ Nguyễn N và 07 con sống ở nước ngoài gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B1, ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị H (thiếu ông Nguyễn Đình T) ký *Giấy cho nhà* xác định nhà đất tại 90 L do vợ chồng cụ N, cụ X tạo lập, thống nhất “*để bà Nguyễn Thị Kim C sẽ là chủ chính thức căn nhà nói trên và kể từ ngày hoàn tất hồ sơ bà Nguyễn Thị Kim C sẽ phải chi trả mọi chi phí về thuế thổ trạch hay bất cứ loại chi phí nào mà theo chính quyền địa phương quy định chung cho tất cả bất động sản nơi bà ta cư ngụ. Tóm lại bà Nguyễn Thị Kim C có quyền tùy nghi sử dụng bất động sản này. Tôi Nguyễn N cùng tất cả các con trai, gái sẽ không có vấn đề gì tranh cãi sau khi sự chuyển nhượng hoàn tất và tất cả phải được sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi bất động sản tọa lạc*”, Giấy được chứng nhận của Công chứng bang California, Hoa Kỳ (bl 73). Tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri Y 150609 (số vào sổ 00029QSDĐ/1042/QĐ-UBND) ngày 24/8/2004, Ủy ban nhân dân thị xã H công nhận bà Nguyễn Thị Kim C có quyền sử dụng thửa đất số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 71,3m<sup>2</sup> đất ở lâu dài tại đường L, phường M, thị xã H, tỉnh Quảng Nam (bl 33).

- Ngày 21/4/2011, tại Văn phòng công chứng H, bà Nguyễn Thị Kim C ký *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* đối với thửa đất 197, tờ bản đồ 11, diện tích 71,3m<sup>2</sup> đất ở lâu dài tại đường L mà bà C được UBND thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri Y150609 (số vào sổ 00029QSDĐ/1042/QĐ-UBND) ngày 24/8/2004 cho vợ chồng ông Lương Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng H (bl 119). Ngày 04/5/2011, tại Văn phòng công chứng H bà Nguyễn Thị Kim C ký *Hợp đồng mua bán nhà bán căn nhà* thuộc quyền sở hữu của bà C “*tại số 90 L theo Giấy phép tu bổ, tôn tạo di tích - nhà ở số 122/GPTB-TT do UBND TP H cấp ngày 29/4/2011 và Bản vẽ tu bổ - tôn tạo nhà ở, cụ thể: - Địa chỉ nhà 90 L, kết cấu nhà: Nhà 2 tầng, khung sàn BTCT+gỗ, tường xây, mái ngói, nền xi măng; - Diện tích xây dựng: 68,7m<sup>2</sup>; - Diện tích sử dụng: 137,4m<sup>2</sup>. Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 197, tờ bản đồ 11 tại 90 L, phường M, TP H, Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 150609 (số vào sổ 00029 QSDĐ/1042/QĐ-UBND) do UBND thị xã H cấp ngày 24/8/2004*” (bl 122).

- Ngày 18/5/2011, ông Nguyễn Đình T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/3/2012) trình bày ông T không ký văn bản nào đồng ý cho bà C ký phần thừa kế ông T được hưởng từ mẹ là cụ X, bà C đã

giả mạo giấy tờ để được đứng tên toàn bộ nhà đất tại 90 L và nay đã chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông T, bà H; vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C thanh toán kỹ phần ông T được hưởng của cụ X theo giá thị trường.

+ Bà Nguyễn Thị Kim C cho rằng bà C không ký giả chữ ký của ông T mà Giấy cho nhà được cụ N và các anh chị em gửi từ Hoa Kỳ về, khi nhận bà C thấy đầy đủ chữ ký nên đem đi làm thủ tục đứng tên toàn bộ nhà đất. Nay nếu ông T khởi kiện cho rằng ông T không ký Giấy cho bà C nhà đất thì bà C đồng ý thanh toán giá trị kỹ phần ông T được nhận của cụ X;

+ Cụ N và 3 con gồm ông Nguyễn Đình B1, ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị S cho rằng *Giấy xác nhận* ngày 28/01/2003 do ông K (chồng bà C) chuẩn bị sẵn lừa cụ N ký, khi ký cụ N nghĩ ký để bà C lo thờ phụng tổ tiên, còn *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004 do ông Nguyễn Đình L soạn và thuyết phục cụ N và các anh chị em ký giao nhà đất cho bà C để tránh bị Nhà nước Việt Nam thu hồi nhà đất, do đó, cụ N và 3 con đề nghị Tòa án hủy bỏ các giấy tờ liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu nhà đất 90 L để nhà đất này là tài sản chung làm nơi thờ cúng tổ tiên;

+ 05 người con khác còn lại của vợ chồng cụ N gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình Hiền xác định giữ nguyên ý kiến là đã ký văn bản cho bà Nguyễn Thị Kim C toàn bộ nhà đất tại 90 L;

+ Vợ chồng ông T, bà H trình bày bà C là người đứng tên nhà đất 90 L nên Ông Bà đã mua nhà đất 90 L từ bà C với giá 8,5 tỷ đồng, hợp đồng được công chứng theo đúng quy định của pháp luật và Ông Bà đã nhận nhà đất sử dụng ổn định nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Bà là người thứ ba ngay tình.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2012/DSST ngày 02/11/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông T) về yêu cầu tuyên bố các giao dịch dân sự liên quan đến việc đứng tên, chuyển nhượng nhà đất 90 L vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C được cấp đối với nhà đất 90 L.

- Ông T kháng cáo.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2013/DS-PT ngày 10/7/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, tuyên xử các giao dịch dân sự tặng cho, mua bán liên quan đến nhà đất 90 L vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C được cấp đối với nhà đất 90 L; buộc vợ chồng ông T, bà H giao trả nhà đất 90 L để bà C quản lý, sử dụng, bà C phải hoàn trả ông T, bà H 8,5 tỷ đồng và buộc ông T hoàn trả vợ chồng ông T 533.190.000 đồng là tiền vợ chồng ông T, bà H bỏ ra sửa chữa nhà.

- Tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 23/2/2016, UBND thành phố H căn cứ quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2013/DS-PT ngày 10/7/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số Y 150609 (số vào sổ 00029 QSDĐ/1042-QĐ-UB) đã cấp cho bà C ngày 24/8/2004 (bl 180).

- Ngày 04/5/2015 cụ N khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất 90 L thuộc quyền sở hữu của cụ N và buộc bà C và vợ chồng ông T giao nhà đất cho anh Nguyễn Đình T (cháu nội cụ N) quản lý, dùng vào việc thờ cúng tổ tiên.

+ Bà C cho rằng bà C không ký giả chữ ký của ông T mà Giấy cho nhà được cụ N và các anh chị em gửi từ Hoa Kỳ về, khi nhận bà C thấy đầy đủ chữ ký nên đem đi làm thủ tục đứng tên toàn bộ nhà đất, sau đó bà đã ký Hợp đồng có công chứng chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng ông T và đã bàn giao nhà đất cho vợ chồng ông T quản lý, sử dụng ổn định. Nay nếu ông T khởi kiện cho rằng ông T không ký Giấy cho bà C nhà đất thì bà C đồng ý thanh toán giá trị kỷ phân ông T được nhận của cụ X.

+ 04 người con của vợ chồng cụ N gồm ông Nguyễn Đình B1, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị T thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ N, đề nghị Tòa án buộc bà C và vợ chồng ông T giao nhà đất cho cụ N để anh T (cháu nội cụ N) quản lý, dùng vào việc thờ cúng chung.

+ 04 người con của vợ chồng cụ N gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H trình bày ý chí đích thực của cụ N và các con (thiếu ông T) thể hiện tại *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004 gửi từ Hoa Kỳ về là đã cho bà C toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất 90 L. Nay các Ông Bà vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây, đề nghị Tòa án công nhận bà C có quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất.

+ Vợ chồng ông T cho rằng bà C đứng tên nhà đất 90 L, bà C đã ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng hợp pháp nhà đất cho vợ chồng ông T và nhận 8,5 tỷ đồng và Ông Bà đã sử dụng nhà đất từ năm 2011 nên đề nghị công nhận vợ chồng ông T có quyền sở hữu, sử dụng nhà đất.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/TB-TA ngày 31/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn N đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản”. Công nhận ngôi nhà và đất tại số 90 L, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của cụ Nguyễn N. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và vợ chồng ông Lương Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng H hoàn trả lại toàn bộ ngôi nhà và diện tích đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 11, diện tích 71,3m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, có ranh giới tứ cận cụ thể như sau: Đông giáp: vỉa hè + đường L; Tây giáp: Thửa T.179; Nam giáp; Thửa T.198 + T.214; Bắc giáp; Thửa T.177 + T.163 địa chỉ thửa đất: Số 90 đường L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Nguyễn N. Ông Nguyễn N đã ủy quyền cho anh Nguyễn Đình T quản lý, sử dụng theo giấy ủy quyền ngày 19/11/2013.*”

- Ngày 04/5/2016 bà C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; nhà đất 90 L là tài sản chung của cụ N và cụ X, bà C là người quản lý, sử dụng nhà đất từ sau khi cụ X chết đến nay nên bà C có quyền hưởng phân tài sản của cụ X trong khối tài sản chung của cha mẹ. Cụ N và các anh chị em (chỉ thiếu ông T) đã ký văn bản cho bà C hưởng toàn bộ nhà đất, bà C đã chuyển nhượng hợp pháp cho vợ chồng ông T nhưng nay Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận toàn bộ nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ N là không đúng.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Ngày 24/01/2017, UBND thành phố H căn cứ quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số sêri CE 323137 (số vào sổ CH00656) công nhận cụ N có quyền sở hữu, sử dụng nhà đất 90 L.

- Bà C và vợ chồng ông T có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/2017/KN-DS ngày 30/6/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại với nhận định:

*“[1]. Vợ chồng cụ Nguyễn N, cụ Nguyễn Thị X (chết năm 1984) có 10 người con chung gồm các ông, bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S, Nguyễn Đình B1, Nguyễn Đình L, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình B, Nguyễn Đình H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Kim C. Quá trình chung sống, vợ chồng cụ N tạo lập được nhà đất tại số 90 L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là nhà số 90 L).*

*[2]. Trước khi xuất cảnh định cư tại Mỹ, cụ N làm đơn ủy quyền cho bà C, bà T được quyền quản lý, sử dụng nhà đất tại số 90 L, được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp Giấy chứng nhận cho ủy quyền số 282/CN-TK ngày 12/9/1990 và Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp Giấy xác nhận ủy quyền sử dụng nhà số 373/GXN ngày 02/10/1990. Năm 2003, cụ N về Việt Nam ký “Giấy xác nhận” ngày 28/01/2003 có nội dung xin hủy bỏ việc ủy quyền quản lý nhà đất, đồng thời xác định cho bà C được trọn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 90 L và việc cho nhà này được tất cả thành viên trong gia đình đồng ý (có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường M). Tại “Giấy xác nhận cam kết” ngày 19/3/2003, bà T xác định theo nguyện vọng của cụ N, bà tự nguyện khước từ hưởng phần di sản của cụ X để lại và đồng ý để cụ N được cho hẳn toàn bộ nhà đất tại số 90 L cho bà C (có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô). Tại “Giấy cho nhà” ngày 24/3/2004, cụ N cùng 07 người con (gồm bà T, ông B1, ông B, ông L, bà S, bà H, ông H) đang sinh sống ở nước ngoài đều xác định nhà số 90 L của vợ chồng cụ N, đồng ý cho và chuyển giao quyền nghiệp chủ nhà đất trên cho bà C (có chứng nhận của Công chứng bang California, USA); văn bản này không có chữ ký của ông T*

(ở Mỹ) và bà T (ở Việt Nam). Ngày 24/8/2004, bà C được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 71,3m<sup>2</sup> đất trên có căn nhà số 90 L. Sau đó, bà C đã bán nhà đất tại số 90 L cho vợ chồng ông Lương Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng H theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/2011 và Hợp đồng mua bán nhà ngày 04/5/2011, đều có chứng nhận của Văn phòng công chứng H. Vợ chồng ông T đã vào ở tại nhà số 90 L.

[3]. Ngày 18/5/2011, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ “Giấy cho nhà” ngày 24/3/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C vì bà C đã giả mạo chữ ký của ông T để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký đề tên ông T trong “Giấy cho nhà” ngày 24/3/2004 (có trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C) và có kết luận giám định: chữ ký cần giám định so sánh với chữ ký ông T là không do cùng một người ký ra. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2013/DS-PT ngày 10/7/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Giao dịch dân sự được xác lập trong Giấy cho nhà ngày 24/3/2004 có chữ ký của ông T và giao dịch mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C với vợ chồng ông T là vô hiệu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C; vợ chồng ông T, bà H phải trả lại nhà đất số 90 L cho bà C quản lý, sử dụng; bà C phải trả lại cho vợ chồng ông T tiền mua bán nhà 8.350.000.000đ; ông T hoàn trả cho vợ chồng ông T tiền sửa chữa nhà 533.190.000đ. Tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 23/2/2016, Ủy ban nhân dân thành phố H đã căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 24/8/2004 cho bà C.

[4]. Ngày 04/5/2015, cụ N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất nêu trên thuộc sở hữu của cụ N và buộc bà C phải giao nhà đất cho anh Nguyễn Đình T (cháu nội cụ N) quản lý, sử dụng. Thực tế, Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2013/DS-PT nêu trên không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, nhà đất tại số 90 L là tài sản chung của vợ chồng cụ N, cụ X. Năm 1984, cụ X chết, không để lại di chúc nên 1/2 nhà đất là của cụ N và 1/2 nhà đất còn lại là di sản của cụ X. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng cụ N có 1/2 nhà đất, là người quản lý, sử dụng nhà đất; thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ X đã hết, từ đó công nhận toàn bộ nhà đất tại số 90 L thuộc quyền sở hữu của cụ N là không đúng, không đảm bảo quyền lợi của các thừa kế của cụ X. Vì vậy, cần phải xét xử phúc thẩm lại theo hướng công nhận 1/2 nhà đất là của cụ N và 1/2 nhà đất còn lại là di sản của cụ X. Trong trường hợp các đương sự có yêu cầu chia thừa kế thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác”.

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý lại vụ án số thụ lý 115/TB-TLVA ngày 19/3/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 23/5/2018 thì các con của cụ N cho biết cụ N đã chết tại Hoa Kỳ ngày 08/7/2017. Do đó, tại Công văn số 1174/CV ngày 12/6/2018 và Công văn số 316/CV-TACCDN ngày 31/01/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã yêu cầu các con của vợ chồng cụ N (là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N) cử người đại diện tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N hoặc cho biết ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

- Bị đơn (bà Nguyễn Thị Kim C) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án công nhận việc tặng cho nhà đất của cụ N và 08 người con (trừ ông T) cho bà C đối với nhà đất tại 90 L; bà C sẽ thanh toán cho ông T giá trị kỷ phần thừa kế ông T được hưởng.

- Thư ký phiên tòa đọc ý kiến của anh Nguyễn Đình T ghi trong Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nội dung anh T trình bày (tóm tắt): Sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xác định toàn bộ nhà đất tại 90 L là tài sản của cụ N thì cụ N đã ký Hợp đồng tặng cho anh T toàn bộ nhà đất, nhưng nay theo nhận định tại Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì  $\frac{1}{2}$  nhà đất 90 L là tài sản của cụ N. Khi khởi kiện vụ án đòi tài sản trong vụ này thì cụ N đã yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T và bà C giao tài sản của Cụ cho anh T quản lý dùng vào việc thờ cúng và cụ N ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng; cụ N đã chết tại Hoa Kỳ ngày 07/8/2017 nên yêu cầu cấp phúc thẩm giao phần tài sản của cụ N (ít nhất là  $\frac{1}{2}$  nhà đất 90 L) cho anh T để anh T quản lý dùng vào việc thờ cúng; còn phần di sản của cụ X thì nếu ai có yêu cầu chia thì phải khởi kiện chia thừa kế ở vụ án khác; vợ chồng ông T không còn quyền lợi gì liên quan nhà đất 90 L, còn bà C chỉ có quyền hưởng kỷ phần thừa kế là  $\frac{1}{11}$  di sản của cụ Nguyễn Thị X chết để lại không có di chúc nên yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T và bà C bàn giao nhà đất 90 L cho anh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định nhà đất tại 90 L là tài sản chung của vợ chồng cụ N, cụ X; cụ N khởi kiện vụ án “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” và ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng, cụ N yêu cầu Tòa án công nhận cụ N có quyền sở hữu toàn bộ nhà đất 90 L và đề nghị Tòa án giao tài sản của Cụ cho anh T (cháu nội) quản lý dùng vào việc thờ cúng; tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm (trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay) cụ N đã chết nên việc cụ N ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng đã chấm dứt. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có gửi văn bản đề nghị anh Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Kim C liên hệ với những người con của cụ Nguyễn N đang sống tại nước ngoài (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N) để họ có văn bản cho biết ý kiến họ ủy quyền cho ai thay mặt họ tham gia tố tụng, nhưng đến nay chưa có đủ ý kiến của những người này; hơn nữa ông Nguyễn Đình T (là con cụ N, là cha anh T) cũng đã chết tại Hoa Kỳ ngày 23/01/20200 và anh T cho biết ở Hoa Kỳ ông T có bao nhiêu người con anh T không biết và không có thông tin về họ. Như vậy, nguyên đơn (cụ N) đã chết mà quyền, nghĩa vụ của cụ N không được thừa kế (chưa đảm bảo đủ thủ tục để thừa kế di sản của cụ N) nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 217, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại



phiên tòa, căn cứ việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### *Về tố tụng:*

[1] Sau khi Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017) hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại thì ngày 19/3/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã thụ lý lại vụ án (số thụ lý 115/TB-TLVA). Do anh Nguyễn Đình T (là cháu nội cụ Nguyễn N, là con ông Nguyễn Đình T) là người được Nguyên đơn (cụ Nguyễn N) ủy quyền tham gia tố tụng, cho biết cụ N đã chết tại Hoa Kỳ ngày 08/7/2017 nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có văn bản đề nghị anh Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Kim C liên hệ với những người con của cụ N đang sống ở nước ngoài với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn (cụ Nguyễn N) để họ có văn bản cho Tòa án biết ý kiến của họ về việc họ ủy quyền cho ai thay mặt họ tham gia tố tụng và ý kiến cụ thể của họ, nhưng đến nay mới nhận được Giấy ủy quyền của ông Nguyễn Đình B1, ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị S (ủy quyền cho anh T) và Giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình H (ủy quyền cho bà C), còn thiếu giấy ủy quyền của ông Nguyễn Đình T. Anh T cho biết ông Nguyễn Đình T (cha anh T) sống tại Hoa Kỳ và đã chết ngày 23/01/2020, đồng thời anh T trình bày ở Việt Nam ông T chỉ có mình anh T là con ruột, còn ở Hoa Kỳ thì ông T có thêm mấy người con thì anh T không biết và không có thông tin về họ.

[2] Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 10/6/2020 với lý do chờ đủ thủ tục ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn và vì lý do tình hình dịch Covid – 19 nên những người ở nước ngoài nếu muốn về Việt Nam thì không thể thực hiện được. Xét thấy, sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm chờ bổ sung thủ tục của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn; tuy nhiên, đến nay đã lâu, nhưng vẫn chưa đủ thủ tục ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn theo quy định của Luật tố tụng dân sự, hơn nữa tình hình dịch Covid – 19 còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến việc thực hiện đủ thủ tục tố tụng, nên căn cứ nhận định về nội dung cần giải quyết vụ án này tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

### *Về nội dung:*

[3] Vợ chồng cụ Nguyễn N và cụ Võ Thị X không ai có con riêng, không nuôi con nuôi mà có 10 con chung là: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; bà Nguyễn Thị T sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị S sinh năm 1952; ông Nguyễn Đình B1 sinh năm 1953; ông Nguyễn Đình L sinh năm 1955; ông Nguyễn Đình T sinh năm

1956; ông Nguyễn Đình B sinh năm 1958; ông Nguyễn Đình H sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị H sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim C sinh năm 1966. Vợ chồng cụ N, cụ X tạo lập được nhà đất tại 90 L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Năm 1984, cụ X chết không để lại di chúc. Trước khi xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ thì ngày 20/8/1990 cụ N viết *Đơn xin được ủy quyền quản lý nhà đất 90 L* cho 02 con gái là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Kim C, Đơn được UBND phường M xác nhận, Phòng Xây dựng thị xã H đồng ý và ngày 02/10/1990 Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp *Giấy xác nhận ủy quyền sử dụng nhà số 373/GXN*, đồng ý việc ủy quyền quản lý nhà đất 90 L (bút lục 30). Năm 2003, cụ N về nước, lập *Giấy xác nhận* ngày 28/01/2003, UBND phường M xác nhận chữ ký của cụ Nhận, bà C vào ngày 28/02/2003, nội dung cụ N đồng ý “*cho riêng con gái tôi là Nguyễn Thị Kim C được trọn quyền sở hữu và sử dụng bất động sản nhà và đất tại 90 L*” (bl 157). Tại *Giấy xác nhận cam kết* ngày 19/3/2003, bà T xác định theo nguyện vọng của cụ N và tự nguyện khước từ hưởng phần di sản của cụ X để lại và đồng ý để cụ N được cho hẳn toàn bộ nhà đất tại số 90 L cho bà C (có chứng thực của UBND phường Cẩm Phô – bl 159). Tại *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004, ghi cụ N cùng các con xác định nhà đất 90 L là tài sản của vợ chồng cụ N, đồng ý cho và chuyển giao quyền nghiệp chủ cho bà C, được Công chứng bang California, USA chứng thực (bl 73). Tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri Y 150609 ngày 24/8/2004, UBND thị xã H công nhận bà C có quyền sử dụng nhà đất 90 L (bl 33). Ngày 04/5/2011 và ngày 21/4/2011, tại Văn phòng công chứng H, bà C ký *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* và *Hợp đồng mua bán nhà* (bl 119, 122) bán nhà đất cho vợ chồng ông Lương Anh T, bà Nguyễn Thị Hồng H và vợ chồng ông T, bà H nhận và vào ở nhà 90 L từ đó đến nay.

[4] Ngày 18/5/2011, ông Nguyễn Đình T (cha anh Nguyễn Đình T) khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004 và *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* của bà C vì ông T không ký *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004. Kết luận giám định xác định không phải chữ ký của ông T trong *Giấy cho nhà* nên Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2013/DS-PT ngày 10/7/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xác định *Giấy cho nhà* ngày 24/3/2004 không có giá trị, nên *Giấy chứng nhận nhà đất 90 L* đứng tên bà C, hủy *Hợp đồng mua bán nhà đất* giữa bà C với vợ chồng ông T; buộc vợ chồng ông T trả nhà đất cho bà C quản lý, sử dụng và buộc bà C trả chồng ông T 8.350.000.000 đồng tiền bán nhà đất và 533.190.000 đồng tiền vợ chồng ông T bỏ ra sửa chữa nhà. Tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 23/2/2016 (bl 180) UBND thành phố H căn cứ Bản án phúc thẩm số 43/2013/DS-PT hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 24/8/2004 đứng tên bà C.

[5] Ngày 19/11/2013, tại Hoa Kỳ, cụ N ký *Giấy ủy quyền*, nội dung “*ủy quyền cho cháu nội trai là Nguyễn Đình T...quản lý và trong coi nhà 90 L sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, được sử dụng nhà đất để kinh doanh nhằm mục đích phục vụ việc thờ cúng, không được thế chấp, buôn bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn nhà đất này dưới bất kỳ hình thức nào*” (bl 06, 07). Do nhà đất hiện do vợ chồng ông T và bà C sử dụng nên ngày 04/5/2015, cụ N có *Đơn khởi kiện* yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất 90 L thuộc quyền sở hữu của cụ N và cụ X; buộc bà C và vợ chồng ông T giao nhà đất cho cháu nội là anh T (con ông T) “*quản*

lý và trông coi nhà đất” (bl 82, 83) và ngày 01/12/2015 cụ N ký *Giấy ủy quyền*, ủy quyền cho anh T thay mặt cụ N tham gia tố tụng (bl 130). Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên xử “*Công nhận ngôi nhà và đất tại 90 L thuộc quyền sở hữu của cụ Nguyễn N*”, buộc bà C và vợ chồng ông T trả nhà đất cho cụ N; cụ N đã ủy quyền cho anh T quản lý, sử dụng nhà đất dùng vào việc thờ cúng theo *Giấy ủy quyền* ngày 19/11/2013 (bl 06, 07). Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2016/DS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, nhưng đã bị Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy, giao về xét xử phúc thẩm lại.

[6] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, nhà đất tại 90 L là tài sản do vợ chồng cụ N, cụ X tạo lập, năm 1984 cụ X chết không để lại di chúc nên  $\frac{1}{2}$  nhà đất là tài sản của cụ N còn  $\frac{1}{2}$  nhà đất là di sản của cụ X. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng cụ N là người quản lý, sử dụng nhà đất và thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với phần di sản của cụ X đã hết, từ đó công nhận toàn bộ nhà đất 90 L thuộc quyền sở hữu của cụ N là không đúng, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các thừa kế của cụ X (vấn đề này đã được Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhận định), do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định cụ Nguyễn N có quyền sở hữu, sử dụng  $\frac{1}{2}$  nhà đất tại 90 L,  $\frac{1}{2}$  nhà đất còn lại là di sản của cụ X.

[7] Xét, cụ N có quyền sở hữu, sử dụng  $\frac{1}{2}$  nhà đất 90 L và theo ý chí của cụ N tại *Giấy ủy quyền* ngày 19/11/2013 (bl 06, 07), *Đơn khởi kiện* ngày 04/5/2015 (bl 82, 83) cụ N chỉ ủy quyền cho anh T “*quản lý và trông coi nhà đất...dùng vào việc thờ cúng*” và căn cứ nhận định tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2017/DS-GĐT ngày 08/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần giao phần tài sản của cụ N cho anh T thay mặt cụ N quản lý, sử dụng dùng vào việc thờ cúng; tuy nhiên, cụ N đã chết tại Hoa Kỳ ngày 08/7/2017 (trước ngày xét xử bằng bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật) nên việc cụ N ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng chấm dứt theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự 2015 và tài sản của cụ N chuyển thành di sản của cụ N nên việc định đoạt di sản của cụ N thuộc quyền của những người thừa kế di sản của cụ N (họ là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015), nhưng đến nay chưa có ý kiến của ông Nguyễn Đình T (sống tại Hoa Kỳ) và tại Đơn đề ngày 22/5/2021 anh Nguyễn Đình T trình bày ông T đã chết tại Hoa Kỳ ngày 23/01/2020, ở Việt Nam ông T có mình anh T là con ruột, nhưng ở Hoa Kỳ ông T có thêm mấy người con thì anh T không biết, như vậy đến nay chưa đảm bảo đủ sự tham gia tố tụng của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N theo quy định của pháp luật mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; hơn nữa nhà đất tại 90 L là một khối thống nhất nên không thể phân định  $\frac{1}{2}$  nhà đất tại 90 L cụ thể để giao cho anh T tạm thời quản lý dùng vào việc thờ cúng như ý chí của cụ N nên phải xác định toàn bộ nhà đất tại 90 L là di sản thừa kế của vợ chồng cụ N, cụ X nên những người thừa kế của vợ chồng cụ N, cụ X không thống nhất để lại toàn bộ dùng vào việc thờ cúng mà tranh chấp về thừa kế thì phải chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần

phải hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết theo hướng nếu có đương sự khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo đúng quy định của pháp luật, nếu không có đương sự nào yêu cầu chia thừa kế thì căn cứ điểm a khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án vì quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn (cụ N) không được thừa kế theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Do cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, giao về Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo mà bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 21/4/2016 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/TB-TA ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim C 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000336 ngày 16/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (kèm hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Kim Nhân**